

**RỒNG/RẮN/NƯỚC - CHIM/TIÊN/CẠN: THÂN TỘC HUYỀN THOẠI THÁI**

Nguyễn Mạnh Tiến

Nhận bài:

15 - 04 - 2020

Chấp nhận đăng:

10 - 09 - 2020

<http://jshe.ued.udn.vn/>

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này tiến hành xử lý, phân tích các nguồn tư liệu về Thái, trong đó, quan trọng là nguồn tư liệu thực địa. Qua đây, chỉ ra được sự phổ biến của huyền thoại *rồng - tiên* tồn tại trong các cộng đồng cư dân Thái, gồm: Thái Tây Bắc và Thái ở miền núi Thanh - Nghệ. Từ đó, nghiên cứu đi đến kết luận về sự phổ quát của cửa huyền thoại rồng tiên trong quốc gia Việt Nam đa tộc người.

**Từ khóa:** Thái; Việt; Mường; Huyền thoại rồng - tiên.

**1. Dẫn nhập**

Thế kỷ XV, như đã biết, có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng với số phận huyền thoại rồng tiên khi lần đầu tiên được người Việt văn bản hóa trong những ấn phẩm Hán văn quan trọng nhất đối với lịch sử, văn hóa quốc gia<sup>1</sup>. Sự tranh luận về nguồn gốc Việt hay Hán của truyện kể huyền thoại này, tức ứng xử với mô hình Hán hóa vốn rất nổi trội trong quan sát Việt Nam là tiền đề quen thuộc, trải dài suốt từ trung đại và bùng nổ trong thời hiện đại. Một hướng khác, muộn hơn bắt đầu từ thế kỷ XX, nhằm pha loãng tính chất Trung Hoa trong văn hóa Việt Nam, truyện kể được mở rộng diễn giải như một thành tố cội nguồn văn hóa đa tộc người, thuộc mô hình Đông Nam Á hay văn hóa bản địa tồn tại không chỉ ở Việt mà cả ở những tộc người rất gần gũi như Mường.

Thế kỷ XV, cũng là thời điểm mà quốc gia Đại Việt thành công trong việc mở rộng lãnh thổ lên các xứ Thái, tương ứng cơ bản với phần địa lý Thái thuộc Tây Bắc và tây Thanh - Nghệ ngày nay. Đại Việt vì thế, trong bối cảnh thế kỷ XV, là quốc gia của các tập đoàn người đông đảo gồm Việt và Mường (những người nói ngôn ngữ Việt - Mường) và Tày và Thái (những người nói ngôn ngữ Tai). Lê Thánh Tông đối diện với một quốc gia mới mà cương vực rộng lớn với nhiều khối người có các động cơ chính trị không thuần nhất, thường xuyên

xung đột, đã đòi hỏi triều Lê hướng đến một sự tạo dựng, tìm kiếm một ý thức hệ chung, xuyên thấu giữa các khối người. Giả thuyết của nghiên cứu này là truyện họ Hồng Bàng chính là một giải pháp hữu hiệu kết nối các tập đoàn người đầy mâu thuẫn của Đại Việt thế kỷ XV: những người Việt ở châu thổ sông Hồng được đào luyện sâu đậm về cảm quan Hán hóa, những người Việt châu thổ sông Mã, sông Cả phiêu lưu, tự do ở vùng biên viễn giữ nhiều tính chất Đông Nam Á; người Mường trong các vùng núi thấp, vùng đồi miền trung du Tây Bắc đến Thanh - Nghệ đầy chủ động và những người Thái rộng lớn, gồm nhiều khối (cũ là Tày và mới là Thái) trải dài vùng núi giáp biên giới Trung Hoa và Ai Lao qui thuộc vào bản đồ Đại Việt muộn hơn. Soi mình vào huyền thoại rồng tiên, về những đáng sinh thành chung mà từ đó sinh ra nhân dân, các tập đoàn người đều thấy bóng dáng thân tộc của mình trong ấy. Và truyện kể được đưa vào chính sử quốc gia, đó là hành vi chuẩn định hóa thành ý thức hệ quốc gia chung với ý nhiệm nhân dân cùng chung tiên tổ, chất kết dính tương tượng duy trì Đại Việt như một tập hợp anh em, cùng máu huyết huyền thoại, cao quý và vĩ đại<sup>2</sup>.

<sup>1</sup>Nổi bật, được biết đến quen thuộc với tên gọi Truyện họ Hồng Bàng trong Ngoại ký *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Lĩnh Nam trích quái*.

<sup>2</sup>Chủ đề này, sẽ được tôi trình bày chi tiết trong một chuyên khảo sắp xuất bản. Một phiên bản giản lược, đại quan có thể xem (M. T. Nguyễn, 2020). Nghiên cứu này là sự đào sâu và chi tiết về huyền thoại rồng tiên trong cộng đồng Thái ở Việt Nam, vấn đề hầu như không được các học giả người Việt

**\* Tác giả liên hệ**

Nguyễn Mạnh Tiến

Viện Văn học - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Email: manhtienh@gmail.com

Lịch sử diễn giải về sự tương hợp huyền thoại Việt với Mường<sup>3</sup> là lần át so với Thái. Rất ít nghiên cứu đã chỉ ra sự tương thích của vũ trụ luận Thái với truyện họ Hồng Bàng. Mặc dù thế, điều ấy không có nghĩa là huyền thoại về nguồn gốc của Thái xa lạ với các kinh nghiệm truyện họ Hồng Bàng. Trái lại, huyền thoại Thái chứa đựng một phiên bản khác về truyện kể cặp tổ tiên khởi nguyên rồng/rắn - tiên/chim.

## 2. Rồng/Rắn/Nước - Chim/Tiên/Cạn: thân tộc huyền thoại Thái Tây Bắc

Cầm Trọng là học giả đã nhận ra, và nỗ lực chứng minh bằng các giả thuyết đề khớp nối tính chính danh của Thái như là một thành viên khởi nguyên từ/thuộc *Hồng Bàng thị truyện*. Học giả Thái quan trọng này dường như đã làm một sự tổng hợp ngược với tổ tiên thế kỷ XV, khi cố gắng chứng minh, huyền thoại Thái là tương thích với huyền thoại rồng - tiên của người Việt, mà trong thời hiện đại, đã đồng nhất với quốc gia Việt Nam<sup>4</sup>. Dựa trên các dữ liệu folklore Thái, đúng hơn là

---

và quốc tế biết đến. Trong đấy, nghiên cứu chú trọng dữ liệu huyền thoại rồng tiên vùng Thái miền núi Thanh Hóa với những tư liệu thực địa của chính tôi trong khoảng từ 2016 - 2020. Vùng Thanh Hóa là đất mà tập đoàn Việt - Mường - Thái thời Lam Sơn khởi nghĩa đã nổi dậy, chiến đấu và chiến thắng.

<sup>3</sup>Lịch sử vấn đề khá phong phú, xem: Tư liệu Đông Dương, quan trọng, phải kể đến Cuisinier (1946), với truyện kể về Ngu Cơ và Lương Vương; sau 1945, cộng đồng các học giả miền Bắc Xã hội Chủ nghĩa, đáng chú ý với các nghiên cứu của (Nguyễn, Đ. C., 1956; Trần & Nguyễn, 1965), và sau này, [Tư Chi] (Trần T., 1996); các tiểu luận đáng chú ý về sau, ít nhất gồm: Nguyễn Thị Huệ (1982); (Phan & Phan, 1991) in lại trong (Phan, 2000); ở ngoài Việt Nam, đáng chú ý với các học giả Nga: Nikulin (2006) và gần đây, một nghiên cứu của Grigoreva (2015).

<sup>4</sup>Theo đôi sự nghiệp Thái học của Cầm Trọng, mà ngay đối với nhà chuyên môn cũng rất dễ bị trượt đi mỗi chú tâm của Cầm Trọng vào sự tổng hợp tính chính danh cho huyền thoại rồng - chim ở người Thái. Các trước tác của ông, chứa đựng một khối lượng đồ sộ những thông tin phức tạp và hấp dẫn về Thái, các bản luận về rồng - tiên, không tập trung mà tản mác ra nhiều tác phẩm. Trong công trình đầu tiên, cũng có thể nói là quan trọng nhất của Cầm Trọng năm 1978 *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, công trình dân tộc chí này, không thấy nói đến huyền thoại rồng - tiên ở Thái. Đáng chú ý,

Tày - Thái<sup>5</sup>, Cầm (1987) đã chỉ ra khởi nguyên thân tộc Thái là sự kết hợp của chim én - loài chim biểu tượng của linh hồn *đăm pí* (đàn ông, phía cha) và thường luồng, loài rắn lớn sống dưới nước và có thể lên cạn biểu tượng của *đăm nái* (đàn bà, phía mẹ). Cặp biểu tượng chim/nam - rắn/nữ là cặp biểu tượng phối thai gắn với tín ngưỡng linh hồn Thái. Từ đó, dần nảy sinh các cộng đồng thân tộc khác (Cầm Trọng gọi là các cộng đồng totem) của Thái. Đáng chú ý, Cầm (1987) có một phụ chú mang tính chỉ mục khi nói rõ, thoát tiên, người ta ngỡ rằng huyền thoại Thái với cặp cha/chim/tiên - mẹ/rắn/thường luồng là ngược với huyền thoại Việt là mẹ/chim/tiên - cha/rồng/rắn (rồng nước cũng là thường luồng). Thực ra, Cầm Trọng nhấn mạnh, đây là môtip hoàn toàn thống nhất, vì cơ bản, nguyên lý của nó là biểu tượng của hai thị tộc lưỡng hợp. Khi đã lưỡng hợp thì trai bên rắn lấy gái bên tiên (như Việt), và có thể diễn ra tiến trình ngược lại (như Thái) (Cầm, 1987, 161-162).

Đến công trình tiếp theo (Cầm & Phan, 1995), Cầm Trọng dành hẳn một chương (Chương II) để thực hiện ý

---

nhiệm vụ phân ngành Đen - Trắng của Thái, được xác nhận từ các tộc người bên ngoài, nhất là tộc Tạng - Miến cư trú cạnh Thái ở bắc Việt Nam. Điều mà, đến các công trình về sau, sẽ được diễn giải ngoặt hẳn sang một hướng khác, khi khớp nối Trắng - Đen, như là cặp Chim - Rồng từ huyền thoại. Công trình lớn thứ hai của Cầm Trọng, năm 1987, *Mấy vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế xã hội cổ đại người Thái Tây Bắc Việt Nam*, dưới một cái tên rất chung chung, nhưng thực chất, chứa đựng một tham vọng lớn của Cầm Trọng, cơ bản là nghiên cứu hệ thống thân tộc Thái. Chính trong công trình này, huyền thoại về thân tộc khởi nguyên Rắn - Chim ở Thái, chính xác hơn, ở các tộc người thuộc ngữ hệ Tai-Kadai (hay Tày - Thái như cách gọi trước đây ở Việt Nam) được khớp nối và cấp cho ý nghĩa vũ trụ luận nền tảng của tộc người.

Có một điều thú vị cần chú ý, cũng cuối năm 1987, Cầm Trọng công bố một nghiên cứu chung với nhà sử học nổi danh Trần Quốc Vượng về chính vấn đề này (Q. V. Trần, & Cầm, 1987). Khó có thể khẳng định chắc chắn, nhưng có lẽ Trần Quốc Vượng, với sự phiêu lưu thường thấy của các so sánh sử học có lẽ đã ảnh hưởng ít nhiều đến các diễn giải trong chuyên khảo năm 1987 của Cầm Trọng.

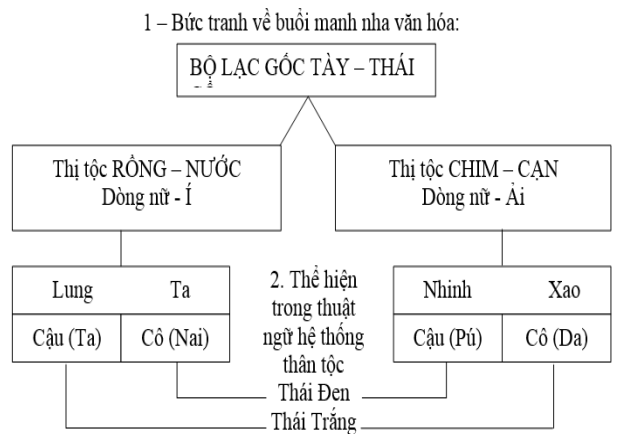
<sup>5</sup>Cách gọi phổ biến trước đây ở Việt Nam, chỉ các tộc người nói ngôn ngữ Tai ở Việt Nam, mà đồng nhất là người Thái và Tày, Nùng hiện nay.

đồ tổng hợp sự thống nhất văn hóa các tộc Tày - Thái hiện nay là diễn ra từ thời các vua Hùng và Thục An Dương Vương được phản ánh trong thần thoại *Lĩnh Nam chích quái*. Chi mục này, như thế, rõ ràng cố gắng gắn các vấn đề Tày - Thái với vua Hùng, và Thục An Dương Vương, cấp cho các triều đại huyền thoại, bán sử này những ý nghĩa lớn lao, không nằm ngoài ý đồ tổng hợp cho tính chính danh và cao cả của thời đại Hùng Vương như là một nỗ lực lớn trong chủ nghĩa dân tộc của các học giả mác-xít khoảng nửa sau thế kỷ XX<sup>6</sup>. Sự “thống nhất”, mà nói chính xác hơn sự gắn gũi của các cư dân Tày - Thái, hay những tộc nói ngôn ngữ Tai ở khắp Đông Nam Á (gồm cả nam Trung Hoa) là một vấn đề rộng lớn hơn mà biên giới các vua Hùng huyền thoại chỉ là một thành tố. Điều đáng quan tâm là, trong nghiên cứu của mình, dựa trên giả thuyết về phân ngành Đen - Trắng của người Thái<sup>7</sup>, Cầm Trọng đã chỉ ra được những mảnh vỡ cho thấy, cộng đồng cư dân Tày - Thái ở Việt Nam đã có những kinh nghiệm thần thoại khá tương đồng với thần thoại người Việt.

<sup>6</sup>Trường hợp Cầm Trọng là khá thú vị. Học giả Thái này, có nguồn gốc xuất thân là quý tộc ngành Thái Đen, chính “quá khứ” của giai cấp thống trị ấy, dường như, đã góp vào “thúc đẩy” Cầm Trọng “nhiệt tình hơn” với “nhiệm vụ” chứng minh sự tồn tại có thực và vững chắc về thời đại Hùng Vương.

<sup>7</sup>Mặc dù, chưa dễ chấp nhận tính vững chắc của giả thuyết phân ngành Thái là Đen - Trắng ở Cầm Trọng nói chung, bởi mấy lý do: 1. Giả thuyết phân ngành Đen - Trắng này, chỉ là một trong nhiều giả thuyết về phân ngành Thái thành Đen - Trắng như đã biết. Đồng thời, trong công trình quan trọng đầu tiên của Cầm (1978), phân ngành Đen - Trắng lại đến từ giả thuyết là sự nhìn nhận các tộc người bên ngoài Thái nhìn về Thái, nhất là những người nhóm Tạng - Miến, vạch biên giới Đen - Trắng cho các cộng đồng Thái thâm nhập vào vùng đất của họ. Như thế, giả thuyết phân ngành Đen - Trắng như là biểu đạt Rồng - Chim chỉ là một trong nhiều giả thuyết của chính Cầm Trọng. 2. Đồng thời, sự phân chia Thái thành Đen - Trắng ở Việt Nam, dường như, chưa thực chặt chẽ. Sự phân ngành này, được thừa nhận rộng rãi ở trong nước, mà khung Đen - Trắng nói rất rộng. Tuy thế, Thái học quốc tế lại nhìn nhận ở Việt Nam, ít nhất, còn có khu vực Thái Đỏ. Sự lãng quên, làm mờ đi ngành Thái Đỏ, như có học giả nhận định, chỉ thấy diễn ra ở Việt Nam. Đất của ngành

Nhóm Thái Đen từ lâu đã coi mình là con cháu nòi Rồng ở nước. Nhóm Thái Trắng thì xem mình như là hậu duệ của Chim ở cạn. Sách chữ Thái miêu tả kỹ về “cõi linh hồn người” là *Páo Khuôn* ghi rằng “hồn âm vật là loài rồng ở nước”, còn “hồn dương vật là loài chim én”. Người Nùng nhận mình là Người áo đen (Cần Sửa Đăm) - thuộc dòng Đen. Người Tày tự nhận mình là Người áo trắng (Cần Sửa Khao) - thuộc dòng Trắng. Sự phân đôi ngành Tày - Thái ở Đông Nam Á khá phong phú, nhưng chúng ta cần lưu ý đến sự phân chia hai ngành Thái Nước và Thái Cạn (Vân Nam Trung Quốc). Nước - Cạn ở người Thái chính là Biển - Núi ở người Việt. Từ đây, Cầm Trọng đưa đến sơ đồ giả thuyết về cội nguồn văn hóa Thái trong sự phân chia hai ngành như sau (Cầm & Phan, 1995, 26-28):



Như thế, huyền thoại về tổ tiên Tày - Thái cổ như là một sự kết hợp của Rồng - nước và Chim - cạn chi phối mọi quan hệ thân tộc nền tảng. Mở rộng và chi tiết, Cầm Trọng dẫn thêm một sơ đồ:

Thái Đỏ, một phần lớn chính là đất của người Thái Thanh Hóa, lực lượng của quân Lam Sơn.

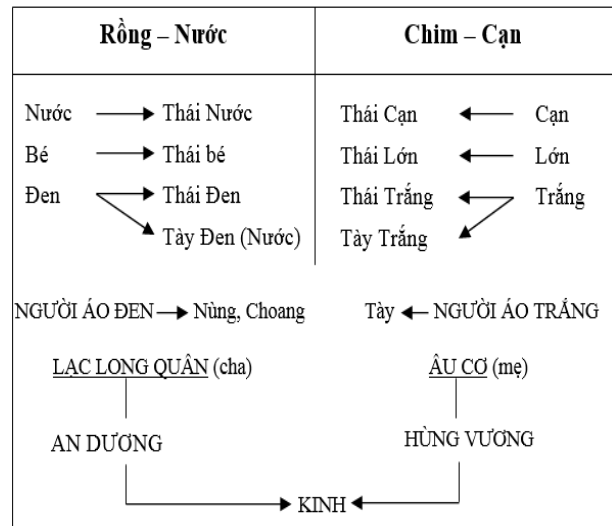
Dù sao, cần nhấn mạnh, không dễ đồng tình với Cầm Trọng về phân ngành Thái Việt Nam là hai ngành Đen - Trắng, nhưng ở đây, nghiên cứu này chỉ sử dụng các tri thức trong huyền thoại Tày - Thái kết nối vào biểu tượng Rồng - Chim khởi nguyên để thấy được *Hồng Bàng thị truyện* thực chất là một sự tổng hợp nhiều yếu tố “bản địa”, ở các tộc người - quyền lực nhất làm thành cấu trúc chính trị xã hội tộc người Đại Việt thế kỷ XV.

1. Các dân tộc tự nhận là TAY (THAY) trong khối phía Tây	
THUỘC DÒNG NỮ NÒI RỒNG	THUỘC DÒNG NAM NÒI CHIM
Thái Nước (TAY (THAY) NẬM) Thái Bé (TAY (THAY) NỢI) Thái Đen (TAY (THAY) ĐĂM)	Thái Cạn (TAY (THAY) BỐC) Thái Lớn (YAY (THAY) GIẤY) Thái Trắng (TAY (THAY) KHOA hay ĐÓN
2. Các dân tộc ở khối phía Đông	
Nùng (NGƯỜI ÁO ĐEN) Tày Đen (TÀY ĐĂM) Tày Nước (TÀY NẬM)	Tày (NGƯỜI ÁO TRẮNG) Tày Trắng (TÀY KHOA)

Việc chứng minh tính rộng lớn của quan niệm hôn phối nguồn cội Rồng - Chim ở Tày - Thái, được dẫn giải bởi Cẩm Trọng, như ta sẽ thấy, là để dẫn đến một ý đồ quan trọng hơn nữa của ông phía sau, đó chính là: một bộ phận của người Tày - Thái cổ, “từ mấy ngàn năm trước” sẽ là tổ tiên của Việt cổ, tức tổ tiên của Kinh - Mường (Cầm & Phan, 1995, 35). Hậu thuẫn cho quan niệm của Cẩm Trọng từ các nghiên cứu ngôn ngữ học, với việc phát hiện ra các yếu tố Tày - Thái trong tiếng Việt như quan điểm của Maspero, hay từ ngôn ngữ, Phạm Đức Dương chỉ ra văn hóa lúa nước Việt bén rễ của văn hóa lúa nước Tày - Thái (xem cụ thể: (Cầm & Phan, 1995, 35) và toàn chương II). Và giờ đây, Cẩm Trọng trong một công trình viết chung với một nhà dân tộc học/quan chức Phan Hữu Dật, muốn bồi đắp, minh chứng thêm, cho sự kết nối Việt - Mường như là một thành tố của khối Tày - Thái trong chính huyền thoại khởi nguyên cặp kết hợp thân tộc nguyên cội, thân thoại Rồng - Chim. Điều này, thể hiện dưới ngay chính sơ đồ tổng hợp sau (Cầm & Phan, 1995, 45).

Sự mở rộng các yếu tố Tày - Thái nằm trong huyền thoại Việt/Kinh được Cẩm Trọng tiếp tục lần sang các cấp độ tương đồng của truyện kể dân gian và biến âm ngôn ngữ học. Những gợi ý như từ truyện Thực Phán xây Loa thành, nhận sự trợ giúp của rùa vàng - biến thể khác của cha rồng ở nước, tương tự ở người Thái là rồng ở nước cũng biến thể thành hồ mang (ngu háu), tổ

tiên ngành Thái Đen<sup>8</sup>. Người Thái, theo truyền kể dân gian và văn hóa của họ, cũng đội ơn rùa, nên người Thái Đen Tây Bắc treo hình nộm rùa lên đầu cột gọi là Xau họ (cột thiêng). Sự tương đồng ấy là đáng ghi nhận, nhưng dù sao vẫn chưa đủ giữ chân sự thận trọng trong các phân tích, bởi, sự tương đồng của các mảnh đoạn truyện kể các tộc người, nhất là các tộc người gần nhau về mặt văn hóa như Việt - Thái - Mường đều trồng lúa nước là không khó tìm ra điểm tương đồng nếu được tiến hành so sánh. Dù sao đi nữa, thì Cẩm Trọng đã giúp chúng ta nhận thấy mấu chốt quan trọng nhất, ở các tộc người Tày - Thái, trong nhiều huyền thoại về nguồn gốc của họ, mà nổi tiếng hơn cả chính là truyện quả bầu, ngoài ra, còn có các lớp kể huyền thoại về tổ tiên khởi nguyên là sự kết hợp của hai dòng họ Rồng/Rắn - Tiên/Chim.



Ngư Háu hay Ngư Hống - chỉ người Thái Đen Tây Bắc, từ rất sớm đã bước vào chính sử người Việt, ngay từ những ngày đầu lập quốc, tập đoàn này đã sang triều cống Đại Việt đầu thời Lý (1067). Sử tâm linh Thái Đen Tây Bắc, như một tự sự cuối đời của Cẩm Trọng: “loài **rồng ở nước** là biểu tượng **mẹ tổ**. Trải qua

<sup>8</sup>Hồ mang là loài rắn cạn, nhưng trong huyền thoại Thái lại xuất hiện từ nước, trú ngụ ở ao Nong Luông (trung tâm Chiềng Ly, Thuận Châu) (Cầm & Phan, 1995, 41). Thủ lĩnh Lò Let về sau trung dụng biểu tượng có sẵn này, vật chất hóa dụng làm hiệu kỳ để tập hợp sức mạnh tổng thể người Thái.

ngàn năm lịch sử, **rồng** đã biến thành thần tượng *rắn hổ mang* tức **Ngư Háu**. Cho dù rắn này là loài sống trên cạn, nhưng người Thái Đen lại đặt nó trong sự biến thiên từ loài **rồng**, nên thần tượng **Ngư Háu** (hổ mang) vẫn không thoát ly khỏi không gian tâm linh **nước**. Có lẽ cũng từ tâm linh đó, thời Lò Lệt đã xuất hiện lá cờ đuôi nheo màu đen tượng trưng *nước*, xung quanh viền vải đỏ cắt lượn sóng. Ở giữa là hình tượng rắn hổ mang (*Ngư Háu*) trắng, trong tư thế đang bơi trong lòng nước. Trên đầu rắn có mào đỏ uốn hình vòng bay về phía sau. Mắt rắn cắt tròn điếm vào như một dấu chấm đỏ trên phần đầu, nhỏ nhẹ. Không biết vào thời Lò Lệt, người ta đã sử dụng lá cờ này như thế nào? Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, lúc tác giả 10 tuổi, vẫn còn thấy người ta dựng lá cờ này trong các gian thờ cúng tổ tiên ở các nhà sàn quý tộc đứng đầu *châu mường*: Thuận Châu, Mường La (thị xã Sơn La) và Mai Sơn; hoặc còn dựng trong miếu thờ cụ chủ Lò Lệt ở khu gò Đon Cang phía đầu ao lớn Mường Muối. Lá cờ ấy vẫn mang tên truyền thống tâm linh cụ chủ **Hổ mang** (Pú châu Ngư háu). Theo chu kỳ năm, vào dịp lễ hội *Xên mường*, người ta dựng ngọn cờ này tại mặt tiền của bàn cỗ lớn "cúng thần mường". Trong dịp ấy lá cờ như được dịp tung bay trước gió, hoà cùng tiếng *cong mường*, chiêng công, chũm chọe rộn ràng một cuộc múa xoè vòng tập thể, thật vui thay." (Cầm, 2015).

Diễn giải kiểu Cầm Trọng, về sau, tiếp tục được tái sản xuất, củng cố, nói dài, nhân bản thêm quyền lực tự sự **Rồng - Tiên** trong cư dân Thái (Cầm, 2005; Hoàng, 2015, 160-171). Trong một công trình Cầm Trọng tham gia cùng Chu Thái Sơn mang tính giới thiệu tổng quan về Thái Việt Nam cung cấp thêm/lại dữ kiện củng cố tâm thức Thái duy trì vững chắc niềm tin mẹ - chim - cạn/núi và cha - rồng - nước. Ở mường Lay, truyện kể người Thái trắng nơi đây, hàng năm vào tháng 5 âm lịch, thần chim én ở hang núi cao, hóa rồng cái, đào đất thành ống dẫn ngầm xuống cõi nước dẫn rồng đực lên ngọn núi bên cạnh để hợp đôi. Vì thế, Chiêng Vai trung tâm mường Lay xưa người ta chọn hai ngọn núi để đặt tên *tạo* và *nàng* nằm bên bờ sông Đà, "chứa đựng linh hồn đất - nước" của mường. Mở đầu đám cưới người Thái trắng ở Phong Thổ, khi ông mới cất lời bài *Mối nàng* (*Xứ nàng*) có câu: "...Tim đến hang sâu ở đất mường nào mới có loài chim én. Đỉnh cao ở mường nào mới có linh hồn rồng - hồn nữ nhi soi dáng vẻ đẹp xinh" ("Cứt ha thăm mong đàu chãng mi neo én. Dú đời ten

mong đàu chãng mi khoãn lông khoãn nhinh tằm lờ") (Chu & Cầm, 2005, 17-18).

### 3. **Rồng/Rắn/Nước - Chim/Tiên/Cạn: thân tộc huyền thoại Thái Thanh - Nghệ**

Những phân tích của Cầm Trọng về huyền thoại rồng - chim của người Thái, dù không chỉ rõ nguồn địa lý đính kèm, nhưng đôi khi như chính tên gọi của chuyên khảo viết chung mang tính cảm nang *Văn hóa Thái Việt Nam* (Cầm & Phan, 1995), nghĩa phát ra của nó, trong những trường hợp này nghiêm nhiên đại diện cho tổng thể người Thái ở Việt Nam. Thực chất, với những quan sát dân tộc học bám sát thực địa, người ta chỉ có thể chấp nhận các dữ liệu phân tích của Cầm Trọng tương hợp hơn với diện trường người Thái ở Tây Bắc, điều mà chính Cầm, (1978, 1987) cũng nhận thấy khi trong các chuyên khảo viết riêng của ông, bao giờ tên các chuyên khảo cũng chỉ nguồn cụ thể Thái [ở] Tây Bắc. Cộng đồng Thái ở Việt Nam, khái niệm này có cơ sở để tồn tại nhưng cũng cần được hiểu một cách uyển chuyển. Thái vốn không đơn thuần chỉ là một khối "cộng đồng dân tộc Thái" có tính đơn nhất, xuyên thấu, mà vốn là nhiều cộng đồng văn tự với các truyền thống văn hóa, lịch sử nhiều khác biệt<sup>9</sup>. Bởi thế, thông qua hệ thống dẫn liệu dân tộc học, các phân tích của Cầm Trọng rõ ràng không mang tính đại diện cho Thanh - Nghệ, nhất là vùng Thái Thanh Hóa - đất sinh thành đoàn quân Lam Sơn năm nào.

Để có thể hiểu được sát thực hơn với các tồn tại của truyền thống địa phương vùng Thái Thanh Hóa, cần có những dẫn liệu cụ thể của vùng đất về sự trôi nổi của huyền thoại rồng - tiên trong tâm thức tộc người nơi đây.

Trong truyền thống của nhóm Thái tự xưng Phú Tây, hay nhóm Thái bắc Thanh Hóa hoặc Thái sông Mã với truyền thống pha trộn sâu đậm Việt - Mường, đáng chú ý, người ta biết đến trong truyền thống của họ một phiên bản khác của *Đẻ đất đẻ nước* người Mường đó là *Tây ăm oóc nặm đín*, hai cái tên này, hai văn bản thiêng truyền khẩu đều cùng mang ý nghĩa *Đẻ đất đẻ nước*.

<sup>9</sup>Có thể xem mô tả của (Mukdawijitra, 2007).

Huyền thoại này<sup>10</sup>, trong thần thoại Thái thấy xuất hiện motif đẻ ra trứng với cặp chim Ôn Tôn không lồ. Chim mái mỏ sắt, trống mỏ đồng, sau khi: “Đạp nhau như cơm bữa/ Nhảy nhau như cơm sáng, cơm chiều”, chim mái sinh ra sáu cái trứng. Những quả trứng khởi nguyên này, quen thuộc với motif sinh nở thần kỳ của tư duy thần thoại, được mô tả đẻ ba năm mới ấp, ấp ba năm mới nở. Sáu quả trứng này, hai quả nở trời đất, hai quả nở ra hai con người là ông và bà Chu Cún, hai quả nở ra (vàng hóa) nước và (cây hóa) lửa. Đó là một phần của khởi nguyên trời đất con người. Thần thoại khởi nguyên này, tiếp tục sự sản sinh loài người với cặp đôi anh em loạn luân Tạo Cặp và Nàng Que vốn được biết đến phổ biến ở vùng Thái và Khơ Mú Thanh Hóa<sup>11</sup>. Đồng thời, một lần nữa các yếu tố thần thoại Mường tái hiện khi *Tây ản óc nặm đín* tái hiện motif cây si thần, cây vũ trụ và hành động chặt cây vũ trụ vốn rất nổi tiếng trong sử thi Mường. Motif trứng nở loài người, trời đất trong thần thoại Thái Phù Tây, không thể không làm gợi nhắc đến trứng chim Tùng chim Tót của bản sử thi Mường<sup>12</sup>. Một truyền thống văn nghệ pha lẫn các yếu tố Thái -

---

<sup>10</sup>Ở vùng Thái Phù Tây, tư liệu này được biết đến gồm các văn bản sưu tầm, phiên âm Thái và dịch nghĩa Việt của các tác giả người Thái như Cao Bằng Nghĩa và Hà Nam Ninh. Tư liệu chưa xuất bản, sưu tầm cá nhân.

Huyền thoại này, cũng xuất hiện ở Thái Mai Châu, với văn bản đã được công bố *Ám Ẹt Luông* (1972). Thái Mai Châu (Hòa Bình) và Thái Mường Khoòng (Cổ Lũng, Bá Thước, Thanh Hóa) vốn là một gốc. Khoảng cuối thế kỷ XIII, ba anh em họ Hà Công ở Bắc Hà (Lào Cai) vì thiếu đất đã xuôi sông Hồng đi tìm vùng đất mới. Người anh cả đến mở mường ở vùng Mộc Châu. Người anh hai đến mở mường ở Mai Châu. Người em út đi tiếp, đến mở mường Lâu, mường Khoòng ở vùng Cổ Lũng Bá Thước.

<sup>11</sup>Cặp đôi này, về sau sinh quả bầu là nguồn gốc loài người. Ở bản kể Thái họ học châu châu “nhảy nhau” mà sinh loài người. Ở bản kể Khơ Mú thuộc Mường Lát thì có con chim bay qua nói hai em phải ngủ với nhau, từ đó sinh loài người.

<sup>12</sup>Huyền thoại Mường khởi sinh ở mường Ông, sát cạnh là các mường Ca Da, và mường Ký, mường Khoòng của người Thái, nơi các học giả địa phương sưu tầm và chú dịch cho văn bản *Tây ản óc nặm đín*.

Mường là di sản chung của cả Mường và Thái Thanh Hóa. Điều này, là không tồn tại ở cộng đồng Thái Tây Bắc. Chính vì cùng chia sẻ chung những yếu tố văn hóa, người Thái và Mường Thanh Hóa cũng có chung những nhân thần, có tư cách thần bản mường cộng đồng có xuất thân lịch sử. Các nhân vật như Cầm Bá Thước, Hà Văn Mao được thờ ở nhiều bản làng. Và, nổi tiếng hơn cả như một thần bảo hộ chung cộng đồng Thái, Mường và Việt vùng Thanh Hóa không ai khác chính là vua Lê Lợi.

Ở phía Nam Thanh Hóa, mật tập trong hai huyện Thường Xuân, Như Xuân, người Tày Dọ hay còn gọi Thái sông Chu có địa lý cư trú cận kề các vùng người Mường, như Ngọc Lạc và đáng chú ý nhất là huyện Thọ Xuân - nơi khởi phát của ông quan lang mường Lam Lê Lợi năm nào. Người Thái nơi đây tồn tại một hệ thống tín ngưỡng đặc thù tôn thờ cặp cha mẹ chim/tiên - rồng của tộc người. Ở những khúc sông sâu người Thái thường coi đó là nơi trú ngụ của mẹ Rồng, và nó được hình dung là thông lên các đỉnh núi cao, nơi có cha Chim trú ngụ. Đây chính là những địa điểm người Thái xưa lập đền thờ mẹ nước. Thời xưa, hẳn tồn tại nhiều địa điểm như thế, ngày nay, nổi bật hơn cả người ta có thể tìm thấy di tích này ở bản Chiềng, mường Luộc (xã Xuân Lộc) huyện Thường Xuân. Ở vùng Như Xuân, thông tin về nơi thờ thần nước hay thờ mẹ tại nhiều địa điểm trên sông Chàng, nổi bật nhất còn lại là một địa điểm nằm trên khúc ghềnh của Thác Công Trời được dân địa phương gọi là Xuân Nàng<sup>13</sup>. Những dẫn liệu này, và nhiều địa chỉ thờ xuồm nắng dọc sông Chàng, sông Chu và các phụ lưu cho thấy, tín ngưỡng này từng phổ biến trong cộng đồng Thái Dọ phía nam Thanh Hóa.

Xã Xuân Lộc huyện Thường Xuân hiện nay còn lưu giữ hệ thống di tích Xuồm nắng khá “hoàn chỉnh”. Thông tin từ các nhà Thái học địa phương cho biết xuồm nắng (nghĩa là buồng nắng) là một vũng nước sâu trên con sông Luộc, được giải thích là nơi trú ngụ của

---

<sup>13</sup>Xuân Nàng đây là cách Hán Việt hóa từ Xuồm Nắng. Người Tày Dọ là cộng đồng có lối viết theo qui tắc Hán tự, và cư trú gần người Việt nhất. Cộng đồng này, về mặt địa lý trên đất Việt Nam hiện nay, là cộng đồng cư trú gần biển nhất, ở Thanh Nghệ, họ cư trú ở những nơi chỉ cách biển khoảng 50km.

mẹ rỗng. Nơi này được cho là thông lên một ngọn núi cao thuộc dãy Bù Kha (người địa phương gọi là Pú Ngúa) để thi thoảng mẹ rỗng gặp cha chim là loài chim én (trao đổi cá nhân với Hà Bá Tâm 2017, và tác giả đã công bố năm 2018)<sup>14</sup>. Một dị bản khác ở địa phương cho biết, Xuôm náng (buồng náng) là nơi mẹ rỗng ở, thông với Kanh pá (Thác bà) trên núi nơi có bố rỗng<sup>15</sup>.

Người Tày Dọ ở Nam Thanh Hóa, đồng tộc với họ vốn đông đảo ở đường 7A Nghệ An còn được gọi với tên địa phương phổ biến là Tày Mường hay Thái phủ Quý Châu. Huyền thoại rỗng tiên ở Thái Nghệ An là phong phú. Ở đây, đơn cử chỉ dẫn một dữ liệu chính yếu là những chú giải xoay quanh văn bản huyền thoại Thái *Quam Khun Tinh* kể về thủ lĩnh Thái Khùn Tinh - người mang dòng máu của người và rỗng, sau kết hôn với vợ (nồi tiên trên trời) đẻ ra tạo Ám Cai là tổ tiên Thái cả Nghệ An và Tây Bắc (Sâm, 2006).

#### 4. Kết luận

Tóm lại, dù còn thiếu hiểu biết chi tiết về các truyền thống địa phương Thái vốn luôn đa dạng và phức tạp. Nhưng các dữ liệu về sự trôi nổi của huyền thoại rỗng tiên trong các cộng đồng Thái ở Tây Bắc, vùng núi Thanh Hóa, Nghệ An được cung cấp trong nghiên cứu này cũng đã đủ cơ sở xác tín về sự tồn tại khá vững chắc lớp kể huyền thoại về tổ tiên khởi nguyên là sự kết hợp của hai dòng họ Rỗng/Rắn - Tiên/Chim ở cộng đồng Thái Việt Nam. Từ đó, góp phần nói rộng không gian tưởng tượng về cha rỗng mẹ tiên như là di sản chung của Việt Nam đa tộc người có nguồn cội Đông Nam Á.

<sup>14</sup>Cấu trúc kể này, cũng được tôi ghi nhận ở Như Xuân, của hậu duệ các dòng tạo mường Lự và mường Chang cũ.

<sup>15</sup>Hình ảnh và nội dung mở rộng bản kể này, xem phần Phụ lục hình ảnh phía sau. Thực chất, nghi lễ này là một nghi lễ khá quen thuộc trong cộng đồng Thái, có khi được biết với tên tục tế thần núi. V. H. Nguyễn (2013, 128-131) có nói đến *Quám tay mưa lai* là truyền thuyết kể về cha chim én mà mẹ thường luồng sinh ra bảy con là tổ tiên Thái ngày nay, dòng anh là Thái Trắng và dòng em là Thái Đen. Xưa, cờ hiệu Thái Trắng là cờ đuôi nheo đỏ vẽ hình chim én còn cờ hiệu Thái Đen thì vẽ hình thường luồng.

#### Tài liệu tham khảo

- Ấm ệt luồng* (V. T. Khả, Trans.). (1972). Ty Văn hóa Thông tin tỉnh Hòa Bình.
- Cầm, T. (1978). *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*. Khoa học xã hội.
- Cầm, T. (1987). *Mấy vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế xã hội cổ đại người Thái Tây Bắc Việt Nam*. Khoa học Xã hội.
- Cầm, T. (2005). *Những hiểu biết về người Thái ở Việt Nam*. Chính trị Quốc gia.
- Cầm, T. (2015). *Người Thái xây dựng miền Tây Bắc trong thời gian cuối thế kỷ XIII qua XIV sang đầu thế kỷ XV*. [http://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU\\_123/243](http://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/243).
- Cầm, T., & Phan, H. D. (1995). *Văn hóa Thái Việt Nam*. Văn hóa Dân tộc.
- Chu, T. S., & Cầm, T. (2005). *Người Thái*. Trẻ.
- Cuisinier, J. (1946). *Les Muong: Geographie Humaine et Sociologie*. Institut d'ethnologie.
- Grigoreva, N. (2015). *The Muong Epics of "The Birth of the Earth and Water" in a Viet-Muong Comparative Perspective: An Alternative Vision of the Common Past* (SSRN Scholarly Paper ID 2708982). Social Science Research Network. <https://doi.org/10.2139/ssrn.2708982>
- Hà, B. T. (2018). Người Tày Dọ và tín ngưỡng thờ trời. *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, 3(177).
- Hoàng, L. (2015). *Người Tày Thái cổ ở Việt Nam*. Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- Mukdawijitra, Y. (2007). *Ethnicity and multilingualism: The case of ethnic Tai in the Vietnamese state* [Doctoral thesis]. University of Wisconsin.
- Nguyễn, Đ. C. (1956). *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*. Văn Sử Địa.
- Nguyễn, M. T. (2020). Con rỗng cháu tiên: Huyền thoại Việt - Mường - Thái. *Tạp chí Sông Hương*, 376.
- Nguyễn, V. H. (2013). *Tục lập bản Mường và lệ tế thần núi, thần nguồn nước của người Thái Đen vùng Tây Bắc*. Thời Đại.
- Nikulin, N. I. (2006). *Dòng chảy văn hóa Việt Nam*. Văn hóa - Thông tin.
- Phan, N. (2000). *Thư xét văn hóa, văn học bằng ngôn ngữ học*. Thanh niên.



- Phan, N., & Phan, Đ. N. (1991). Thử xây dựng lại hệ thống thần thoại Việt - Mường. *Tạp chí Văn hoá Dân gian*, 1.
- Sâm, V. B. (2006). Huyền thoại Khùn Tinh - những cứ liệu bên ngoài một lễ hội. *Tạp chí Văn hoá Nghệ An*, 71.
- Trần, Q. V., & Cầm, T. (1987). Thái Đen Thái Trắng và sự phân bố cư dân Tày Thái cổ ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, 5, 236-237.
- Trần, Q. V., & Nguyễn, D. B. (1965). *Một vài nhận xét về mối quan hệ Mường - Việt và quá trình phân hóa giữa tộc Mường và tộc Việt*. Thông báo Sử học, Tập V, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- Trần, T. (1996). *Người Mường ở Hòa Bình*. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

## RONG/RAN/NUOC - CHIN/ TIEN/CAN: THE KINSHIP OF THE LEGENDARY THAI

Nguyễn Mạnh Tiến

*Institute of Literature - Vietnam Academy of Social Sciences*

**Abstract:** This study processes and analyses the documentation about Thai, of which, the most important one is the material in the field. Thereby, the popularity of the *rong-tien* legend has been shown to exist in Thai communities, including North-West Thai and Thai in the Thanh hoa - Nghe an highland. Since then, the research gives conclusion about the universality of the *rong-tien* legend in the multi-ethnic Vietnamese nation.

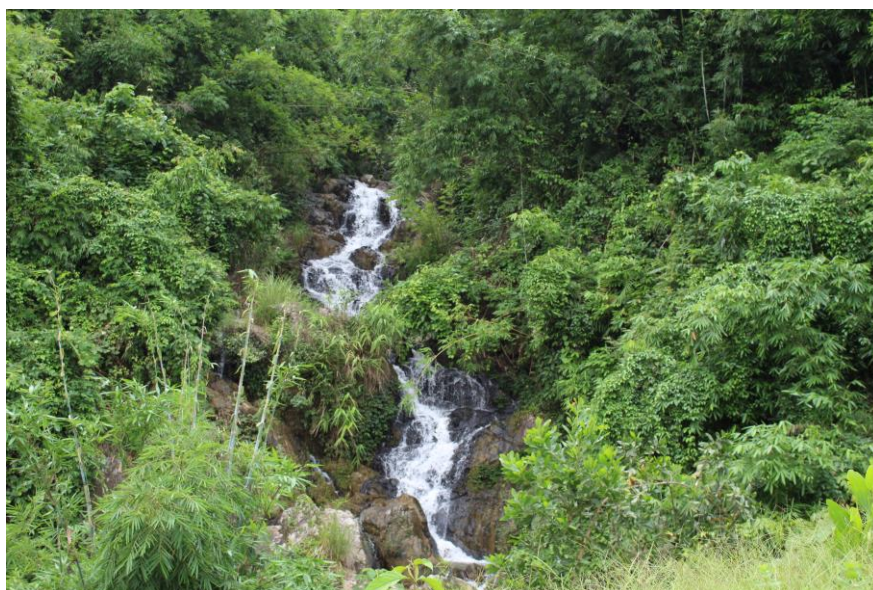
**Key words:** Thai; Viet; Muong; rong-tien legend.

## PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



Xuối nắng ngày nay, trên dòng sông Luộc đã cạn dòng, bị phá hủy một phần do nổ mìn và hoang phế cả trong tự nhiên lẫn trong ký ức những người Thái trẻ tuổi Xuân Lộc





Kanh pá ngày nay, nằm ở tận cùng bản Bà, trên núi cao, cũng như Xuốm náng, giờ đây đã hoang phế trong ký ức lãng quên người Thái trẻ tuổi ở đây.

Xuốm náng (Buồng náng) nơi mẹ rông. Phiến đá trắng là nơi giường náng nằm ở bản Chiềng và Kanh pá (Thác bà) là nơi thông lên đỉnh núi nơi cha rông/chim ngu ở bản Bà, đều thuộc xã Xuân Lộc (mường Luộc xưa), huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Thông tin từ một số cụ cao niên họ Cẩm Bá, hậu duệ dòng tạo mường Luộc xưa và người Thái ở bản Chiềng, kể từ trung tuổi trở lên ai cũng biết ít nhiều di tích Xuốm náng. Tích xưa truyền, tạo mở mường Luộc thuở xưa không có con. Một hôm, ông nhặt được hai quả trứng ở Xuốm náng, đem về cho gà ấp thì nở thành hai con rông. Hai rông con này rất hiếu thảo, thương cha mẹ nuôi. Hàng năm đến tháng 8, mùa nước dâng hai rông lại bơi ra Xuốm náng, người dân nói nó về chơi thăm cha mẹ rông. Mùa nước rút, rông lại về ở với bố mẹ nuôi. Khi ông bà chết, hai rông mai táng chu đáo. Hai rông này chính là con của cặp cha mẹ rông ở Xuốm náng (bản Chiềng) và đỉnh thác Kanh Pá (bản Bà). Hai nơi này cách nhau độ 2 km đường chim bay, thuộc hai bản khác nhau nhưng thông với nhau. Người xưa truyền lại, thả hoa chuối ở đỉnh thác Kanh Pá thì thấy nó mất hút và sau đó nổi lên ở Xuốm náng hoặc hồ Ná Khỏ (đã bị lấp). Các địa điểm này có hang ngầm thông với nhau dưới lòng đất. Chính các hang ngầm ấy tạo nên các hóm nước xoáy có thể lọt cả con trâu, sấu, đen hoắm khiến các tâm hồn Thái chất phác kinh sợ, thờ cúng. Cạnh giường náng, xưa có hai hóm nước xoáy đen. Các địa điểm trên, do vậy, đều là di tích thiêng của người Thái, không mấy ai dám đến đùa nghịch. Mấy chục năm trước, trong dòng chảy suy tàn các địa điểm linh thiêng trong thời đại mới, hồ Ná Khỏ đã bị lấp, Xuốm Náng thì bị đặt mìn lấy đá nung vôi, phá đi cơ bản các tảng đá bao quanh, vốn rất đẹp để phục vụ việc người Thái bỏ nhà sàn, làm nhà trệt kiểu Kinh ở đây. May thay, chút kinh sợ cuối cùng trong tâm hồn Thái trẻ tuổi đã khiến tay đặt mìn chưa lại đúng duy nhất tấm giường náng. Ngày nay, khi cơ bản các dòng sông miền núi cạn dòng, sông Luộc giờ như một lạch nước nhỏ, Xuốm Náng lọt vào phía sau một khu vườn nhà dân, dù lãng quên nhưng vẫn nhận được sự kính trọng của cộng đồng Thái về một di tích xưa vốn quan trọng nơi mẹ rông huyền thoại từng ở.